TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2019
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công.

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Võ Thanh Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 8, ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Anh Huỳnh Phú T, sinh năm 1982; tổ 8, ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày19-4-2019, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 25-12-2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 25-12-2012), là hôn nhân tự nguyện. Cuộc sống chung hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T là người đàn ông gia trưởng. Chị H và anh T đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy

cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có một con chung là cháu Huỳnh Ngọc B, sinh ngày 27-4-2014. Cháu B hiện đang sinh sống với anh T. Chị H yêu cầu giao con chung cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu B thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Phú T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H khởi kiện anh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh T có nơi cư trú tại tổ 8, ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường

xuyên cãi vả, không có sự tin tưởng, yêu thương tôn trọng lẫn nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc chị H và anh T là vợ chồng nhưng đã ly thân từ năm 2018, không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H yêu cầu giao con chung là cháu Huỳnh Ngọc B, sinh ngày 27-4-2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Xét thấy, cháu B hiện đang sinh sống ổn định với anh T. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu B cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H đối với anh Huỳnh Phú T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Huỳnh Phú T.

- Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Ngọc B, sinh ngày 27-4-2014 cho anh Huỳnh Phú T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0020997 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã T, huyện B;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Ngân